

Bản án số: 45/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 26/01/2026

V/v L hôn, nuôi con chung giữa chị L,
anh B

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đính.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thúy Mùi;

Ông Lưu Văn Đề.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11- Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 11 tham gia phiên tòa: Ông Lại Minh Khôi – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11 - Ninh Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 220/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về việc “ L hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1991; Nơi ĐKKHKT: Xóm 6, xã Hải K, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

Chỗ ở hiện nay: Số 8 Đường Nguyễn Hới, phường T, thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm 6, xã Hải H, tỉnh Ninh Bình.

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại: Đội 39, phân Trại số 2 – Trại giam số 3 – Địa chỉ: xóm Tân Văn, xã T, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Mười, sinh năm 1966; địa chỉ: Xóm 6 Hải Nam, xã Hải Hưng, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin L hôn đề ngày 30 tháng 10 năm 2025 và quá trình tố tụng tại Tòa án chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L kết hôn với anh Trần Văn B ngày 05/10/2012 tại UBND xã Hải Nam, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định (nay là xã Hải

Hung, tỉnh Ninh Bình) trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn chị và anh B chung sống hòa thuận hạnh phúc tại nhà bố mẹ đẻ của anh B được khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B mắc nghiện ma túy nên từ năm 2012 đến nay nhiều lần vi phạm pháp luật nên bị Tòa án xử phạt tù. Chị và anh B đã sống L thân từ 2014 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn xin được L hôn anh B.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn B có 01 con chung là cháu Trần Anh Đ, sinh ngày 14/3/2013 hiện đang ở với ông bà nội. Khi L hôn, cháu Đ có nguyện vọng ở với anh B và ông bà nội, chị nhất trí giao cháu Đ cho anh B nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh B.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị và anh B không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 18/11/2025, bị đơn anh Trần Văn B có lời khai phù hợp với lời khai của chị L về quá trình tìm hiểu, kết hôn, chung sống. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo anh B là do anh 02 lần vi phạm pháp luật nên phải chấp hành án phạt tù. Vợ chồng có thời gian dài không chung sống cùng nhau nên đã không còn tình cảm. Nay chị L làm đơn xin L hôn anh, anh nhất trí L hôn vì tình cảm không còn.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Anh Đ, sinh ngày 14/3/2013 hiện đang ở với ông bà nội. Khi L hôn, nguyện vọng của anh là được nuôi cháu Đ và không yêu cầu chị L cấp dưỡng. Tuy nhiên, do anh đang chấp hành án phạt tù nên nguyện vọng của anh là giao cháu Đ cho bố mẹ anh nuôi dưỡng cho đến khi anh chấp hành án phạt tù xong thì anh sẽ nuôi dưỡng cháu Đ.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Anh xác nhận không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị ngày 19/12/2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Mười trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Trần Văn B, chị Nguyễn Thị L là con dâu của bà. Hiện nay, anh B đang chấp hành án phạt tù tại Đội 39, phân Trại số 2 – Trại giam số 3 – Địa chỉ: xóm Tân Văn, xã Tân Kỳ, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng anh B, chị L sau khi kết hôn đã chung sống tại nhà bà, được thời gian thì anh B đi chấp hành án phạt tù. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, theo bà không có mâu thuẫn lớn, lý do chủ yếu là do anh B đi chấp hành án phạt tù nên chị L đã bỏ nhà đi. Về con chung, anh B, chị L có 01 con chung như chị L trình bày. Nay gia đình bà và anh B đều có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Đ, vì cháu Đ ở với gia đình bà từ nhỏ. Khi nào anh B chấp hành xong án phạt tù thì bà sẽ giao lại cháu Đ cho anh B nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 11 – Ninh Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử cho L hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn B.

Về con chung: Giao cháu Trần Anh Đ cho anh Trần Văn B nuôi dưỡng. Chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh B.

Do anh B đang phải chấp hành án phạt tù nên tạm giao cháu Đ cho bà Mười nuôi dưỡng cho đến khi anh B chấp hành xong án phạt tù thì bà Mười có trách nhiệm giao lại cháu Đ cho anh B.

Chị L phải nộp án phí L hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn B đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị L, anh B, bà M là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn B là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải N, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Nay là xã Hải H, tỉnh Ninh Bình đăng ký kết hôn ngày 05/12/2012. Trong cuộc sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nên từ năm 2014 đến nay, hai người đã sống thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm đối với nhau. Nay chị L yêu cầu xin được hôn, anh B đồng ý.

Xét yêu cầu xin L hôn của chị Nguyễn Thị L thì thấy: Sau khi kết hôn, trong cuộc sống do anh B mắc nghiện ma túy nên nhiều lần phải đi chấp hành hình phạt tù. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh B đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin L hôn của chị L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn B xác nhận có 01 con chung là Trần Anh Đ, sinh ngày 14/03/2013. Hiện cháu Đ đang do ông Phụng, bà Mười nuôi dưỡng. Khi L hôn nguyện vọng của anh B xin được nuôi dưỡng cháu Đ và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, chị L nhất trí giao cháu Đ cho anh B nuôi dưỡng.

Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi dưỡng con chung thì thấy: Cháu Trần Anh Đ được anh B và bố mẹ của anh B nuôi dưỡng từ nhỏ. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Đ có ý kiến xin được ở với anh B và ông bà nội. Chị L hiện đi làm kinh tế tại thành phố Hồ Chí Minh, cũng có quan điểm nhất trí để anh B nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của cháu Đ cần tiếp tục giao cháu Đ cho anh B nuôi dưỡng. Tuy nhiên, do anh B đang đi phải chấp hành án phạt tù nên tạm thời giao cháu Đ cho bà Mười nuôi dưỡng cho đến khi anh B chấp hành xong án phạt tù thì bà M có trách nhiệm giao lại cháu Đ cho anh

B nuôi dưỡng. Do anh B không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh B nên nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con không đặt ra giải quyết là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung của vợ chồng: Chị L và anh B xác nhận không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho L hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Trần Văn B.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Anh Đ, sinh ngày 14/03/2013, cho anh Trần Văn B nuôi dưỡng đến khi cháu Đ thành niên (đủ 18 tuổi). Chị L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh B. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

Do anh B đang phải chấp hành án phạt tù nên tạm giao cháu Trần Anh Đ cho bà Lê Thị Mười nuôi dưỡng cho đến khi anh B chấp hành xong án phạt tù thì bà Mười có trách nhiệm giao lại cháu Đ cho anh B nuôi dưỡng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002599 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Khu vực 11 + Tỉnh;
- THA dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Hải Hưng;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Đính

